

Bản án số: 26/2022/HS-ST

Ngày: 22/4/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Trung Thành**

Các Hội thẩm nhân: Ông **Trương Văn Kế** và Bà **Lê Thị Tuyền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Phương**, Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông **Đỗ Xuân Hưng**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B - thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 03 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXX-HSST ngày 07 tháng 03 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. **Lê Thị H**, sinh năm: 1977, Nơi cư trú: Thôn Trung Hà, xã Thái Hoà, huyện B, thành phố Hà Nội; Trình độ văn hóa: 4/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Tôn giáo: Công giáo; Con ông: Lê Văn N (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm: 1946; Chồng: Ngô Ngọc B, sinh năm: 1975; Con: 02 con, con lớn SN: 2002, con nhỏ SN: 2004; Tiền sự: Không; Tiền án: 02 tiền án:

+ Bản án số 11/2012/HSST Ngày 16/02/2012 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Nhai - tỉnh Sơn La xử phạt H 02 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo ra trại ngày 21/06/2013.

+ Bản án số 06/2016/HSST ngày 22/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện B xử phạt H 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; bị can bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*” theo Điều g Khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999. Bị cáo ra trại ngày 28/08/2020.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ , tạm giam từ ngày 15/10/2021 đến nay tại Trại tạm giam số 01, Công an thành phố Hà Nội. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo: **Lê Văn L**, sinh năm: 1985, Nơi cư trú: Thôn Trung Hà, xã Thái Hoà, huyện B, thành phố Hà Nội; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Tôn giáo: Công giáo; Con ông: Lê Văn N (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị T,

sinh năm: 1946; Vợ, Con: Chưa có. Tiền án, tiền sự : Không. Nhân thân: Quyết định số 07/2017/QĐ-TA ngày 17/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện B áp dụng biện pháp XLHC đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với L thời gian 24 tháng. Chấp hành xong ngày 17/10/2019.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/10/2021 đến nay tại Trại tạm giam số 01 Công an thành phố Hà Nội. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Văn D, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Thôn Trung Hà, xã TH, huyện B, Hà Nội.

2. Chị Bùi Thị H2, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: Khu 5, Cầu Tre, phường NQ, thị xã S, thành phố Hà Nội.

(Anh D, chị H2 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được thể hiện như sau:

Vào hồi 20 giờ 50 phút ngày 15/10/2021, tổ tuần tra Công an xã TH làm nhiệm vụ tại thôn Trung Hà, xã TH đã phát hiện bắt quả tang Lê Thị H và Lê Văn L có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ 01 gói giấy màu trắng bên trong chứa các cục chất bột màu trắng, bên ngoài cuốn bằng nilon ở dưới mặt đường cạnh vị trí H và L đang dừng đỗ xe; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS: 29P4- 4879; 01 điện thoại di động OPPO A53 của L và 01 điện thoại di động OPPO CPH1912 của H. Lê Thị H khai nhận các cục chất bột màu trắng bên trong gói giấy là ma túy Heroine mà H vừa đi mua và cất giấu với mục đích để bán kiếm lời.

Quá trình điều tra đã xác định:

Lê Thị H là đối tượng mới chấp hành án phạt tù trở về địa phương từ năm 2020, không có việc làm ổn định nên đã nảy S ý định mua ma túy về để bán kiếm lời. Trong quá trình chấp hành án phạt tù, qua một người bạn chấp hành án cùng nên H biết và có số điện thoại của người đàn ông tên S (hay còn gọi là S què), khoảng 50 tuổi ở xã Phú Châu, huyện B. Qua nói chuyện với S thì H biết S có ma túy để bán. Khoảng 18 giờ ngày 15/10/2021, H sử dụng số điện thoại 0389697365 gọi điện tới số điện thoại 0865001088 của S hỏi mua 3.000.000,đ tiền ma túy. S đồng ý và hẹn H đến nhà S để giao dịch mua bán ma túy. Khoảng hơn 19 giờ cùng Ngày, có Lê Văn L là em trai ruột của H đến nhà H chơi. Do không có xe nên H đã nhờ L chở H đến nhà S để mua ma túy, L đồng ý và đã đến nhà anh Lê Văn D để mượn xe máy Honda Wave BKS: 29P4- 4879 chở H đi mua ma túy. Khi đến công nhà S thì L đứng đợi ở ngoài, còn H đi vào trong nhà S. H đưa cho S 3.000.000đ, S cầm tiền và

đưa cho H 01 gói ma túy gói bằng giấy vở học S, bên ngoài bọc nilon màu trắng. H cầm ma túy đi bộ ra chỗ L đang đứng chờ để đi về, trên đường đi H luôn cầm ma túy ở trên tay phải. Đến khoảng 20 giờ 50 phút cùng Ngày, khi về gần đến nhà H thuộc xóm Vạn, thôn Trung Hà, xã Thái Hoà thì H và L bị lực lượng công an xã TH yêu cầu dừng xe lại để kiểm tra. Do hoảng sợ, H đã thả gói ma túy vừa mua được xuống dưới đất cạnh chỗ đứng.

Ngày 24/10/2021, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an TP. Hà Nội có bản Kết luận giám định số 7584/KLGĐ-PC09 kết luận: “*Các cục chất bột màu trắng bên trong gói giấy vở ô ly là ma túy loại Heroine, khối lượng 10,567 gam./.*”

Quá trình điều tra, đến Ngày 07/12/2021 Lê Văn L đã thay đổi lời khai, cụ thể: Tội Ngày 15/10/2021, L có chở H đi xuống Phú Châu nhưng không biết H xuống đó làm gì. Khi đi đến nhà một người ở Phú Châu thì H bảo L ở ngoài đợi, còn H đi vào trong nhà người này. Một lúc sau, H ra ngoài và bảo L chở về nhà ở TH. Khi về đến gần nhà thì bị lực lượng công an kiểm tra phát hiện 01 túi ma túy cạnh chỗ H đứng. Lúc này, L mới biết là H có ma túy. Lý do, L thay đổi lời khai là vì khi bị bắt quả tang L bị vật ma túy, đầu óc không tỉnh táo, mình miễn nên khai không đúng sự thật. Nay đã minh mẫn, tỉnh táo nên L thay đổi lời khai

Quá trình thử nước tiểu thì H cho kết quả âm tính với chất ma túy, L D tính với chất ma túy.

Đối với người đàn ông tên S theo lời khai của H, CQĐT đã tiến hành xác minh tại Công an xã Phú Châu xác định có 01 người đàn ông tên Bùi Văn S. Đối tượng S có 01 tiền án về tội Mua bán trái phép chất ma túy và hiện đang hoãn thi hành án. Tiến hành làm việc, S trình bày bản thân không biết, không mua bán ma túy với Lê Thị H hay bất kỳ ai. CQĐT tiến hành cho Lê Thị H nhận dạng qua ảnh đối tượng Bùi Văn S tuy nhiên H không nhận dạng được S do H mới gặp 2 lần. Căn cứ vào các tài liệu đã thu thập được, CQĐT không đủ căn cứ để xác định Bùi Văn S có hành vi bán ma túy cho Lê Thị H.

Về vật chứng:

- 01 (một) phong bì niêm phong tang vật do Phòng kỹ thuật hình sự (PC09)- Công an thành phố Hà Nội hoàn trả sau giám định.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A53 màu xanh, đã cũ, lắp sim số 1: 0962794278, sim số 2: 0978242794 tạm giữ của Lê Văn L. L khai nhận đó là chiếc điện thoại và sim số của L mua từ lâu, không liên quan gì đến việc mua bán ma túy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO CPH 1912 màu xanh, đã cũ, lắp sim số: 0389697365 tạm giữ của Lê Thị H. H khai nhận đó là chiếc điện thoại và sim số của H mua từ lâu, ngày 15/10/2021, H sử dụng để liên lạc mua bán ma túy.

- 01 xe máy Honda Wave a màu đỏ, đã cũ, BKS: 29P4 - 4879, Số khung: BLHHC09053Y066771, số máy: HC09E-0036777, tạm giữ của Lê Văn L, L khai là chiếc xe máy L mượn của Lê Văn D để chở H đi mua ma túy ngày 15/10/2021.

CQĐT đã tra cứu, ghi lời khai chủ sở hữu, tra cứu xe máy tang vật và ghi lời khai những người liên quan, xác định: Chiếc xe máy Honda Wave BKS: 29P4 - 4879, hiện đang thuộc quyền sở hữu của chị Bùi Thị H2. Sau đó, gia đình chị H2 có kinh doanh xăng dầu và thuê nhân viên làm việc, chị H2 đã giao lại chiếc xe máy trên cho anh D để làm phương tiện đi lại, D sử dụng đi đâu, làm gì thì chị H2 không biết. Chiếc xe máy trên không thuộc tang vật vụ án nào khác.

Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã ra quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện B để bảo quản, chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

* Bản cáo trạng số: 11/CT-VKS ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội truy tố Lê Thị H về tội : “ *Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm i, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Truy tố Lê Văn L về tội : “ *Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm i, khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo H thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố. Bị cáo L không thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố. Bị cáo L khai nhận khi đưa H đi mua ma túy nhưng không được H nói và không biết việc H đi mua ma túy. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa giữ quyền công tố phát biểu luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử phạt bị cáo Lê Thị H từ 10 năm đến 11 năm tù.

Xử phạt bị cáo Lê Văn L từ 8 năm đến 9 năm tù.

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong tang vật do Phòng kỹ thuật hình sự (PC09) Công an thành phố Hà Nội hoàn trả sau giám định.

Tịch thu phát mãi sung quỹ Nhà nước:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO CPH 1912 màu xanh, đã cũ, lắp sim số: 0389697365 tạm giữ của Lê Thị H. H khai nhận đó là chiếc điện thoại và sim số của H mua từ lâu, ngày 11/10/2021, H sử dụng để liên lạc mua bán ma túy.

Trả lại cho Lê Văn L 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A53 màu xanh, đã cũ, lắp sim số 1: 0962794278, sim số 2: 0978242794 tạm giữ của Lê Văn L. L

khai nhận đó là chiếc điện thoại và sim số của L mua từ lâu, không liên quan gì đến việc mua bán ma túy.

Tuyên trả chi Bùi Thị H2: 01 xe máy 01 xe máy Honda Wave a màu đỏ, đã cũ, BKS: 29P4 - 4879, Số khung: BLHHC09053Y066771, số máy: HC09E-0036777.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Lê Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội đã nêu. Bị cáo Lê Văn L Xét tuy không thừa nhận lời khai ban đầu, cho rằng không tỉnh táo khi khai báo, L khai lại không biết việc H đi mua ma túy. Xét thấy căn cứ vào lời khai của H, các tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ, lời khai nhận tội ban đầu của bị cáo L tự viết tại CQĐT và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản bắt người phạm tội của quả tang, tang vật cơ quan điều tra thu giữ. Kết luận giám định số: 7584/KLGD-PC09 kết luận: *“Các cục chất bột màu trắng bên trong gói giấy vờ ô ly là ma túy loại Heroine, khối lượng 10,567 gam./”* Không có cơ sở để chấp nhận lời khai sau của L. Như vậy Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận vào Khoảng 20 giờ 50 phút Ngày 15/10/2021, Lê Thị H đã có hành vi cất giữ 10,567 gam ma túy Heroine của với mục đích để bán kiếm lời. Trong quá trình điều tra từ khi bắt quả tang, L khai nhận biết mục đích của H xuống Phú Châu là để mua ma túy và vẫn đồng ý chở H đi. Trên đường về, L còn chủ động chọn cung đường đi để tránh chốt kiểm soát đảm bảo an toàn hơn. Lời khai nhận tội ban đầu của L phù hợp với lời khai của H và các tài liệu khác trong hồ sơ. Việc L thay đổi lời khai với lý do vật ma túy, tinh thần không tỉnh táo, mình vẫn là không có căn cứ. Do vậy, hành vi chở H đi mua

ma túy của Lê Văn L là đồng phạm với H. Hành vi của H và L đã xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự ở địa phương nên phải xử lý nghiêm khắc trước pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thị H đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015. Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015.

Viện kiểm sát nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Lê Thị H, Lê Văn L về tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với người đàn ông tên S theo lời khai của H, CQĐT đã tiến hành xác minh tại Công an xã Phú Châu xác định có 01 người đàn ông tên Bùi Văn S. Đối tượng S có 01 tiền án về tội Mua bán trái phép chất ma túy và hiện đang hoãn thi hành án. Tiến hành làm việc, S trình bày bản thân không biết, không mua bán ma túy với Lê Thị H hay bất kỳ ai. CQĐT tiến hành cho Lê Thị H nhận dạng qua ảnh đối tượng Bùi Văn S tuy nhiên H không nhận dạng được S do H mới gặp 2 lần. Căn cứ vào các tài liệu đã thu thập được, CQĐT không đủ căn cứ để xác định Bùi Văn S có hành vi bán ma túy cho Lê Thị H. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ đề xem xét trách nhiệm hình sự trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma túy mà còn gây tổn hại đến sức khỏe, nòi giống con người, ảnh hưởng lớn đến mái ấm, hạnh phúc của từng gia đình, gây mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo nhận thức rõ ma túy là chất gây nghiện mà ma túy còn là độc dược do Nhà nước thống nhất quản lý, mọi hành vi mua bán, sản xuất, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy đều vi phạm pháp luật. Nhưng vì hám lời các bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật để thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy để thu lời. Vì vậy cần pH có mức án nghiêm khắc để giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3]. Về vị trí, vai trò của các bị cáo:

Bị cáo Lê Thị H và bị cáo Lê Văn L có quan hệ đồng phạm với nhau, H là người đi mua ma túy nhằm mục đích bán kiếm lời nên giữ vai trò thứ nhất, bị cáo L là người chở H đi mua ma túy giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

[4]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Thị H và bị cáo Lê Văn L không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Thị H có 02 tiền án:

+ Bản án số: 11/2012/HSST ngày 16/02/2012 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La xử phạt H 02 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Bị can ra trại ngày 21/06/2013.

+ Bản án số: 06/2016/HSST ngày 22/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện B xử phạt H 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; bị can bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*” theo Điểm g Khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999. Bị can ra trại ngày 28/08/2020.

Bị cáo Lê Văn L có Nhân thân xấu tại Quyết định số: 07/2017/QĐ-TA Ngày 17/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện B áp dụng biện pháp XLHC đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với L thời gian 24 tháng. Chấp hành xong ngày 17/10/2019.

[5]. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo L không thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử không áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Sau khi xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc để cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian theo quy định tại Điều 38 BLHS năm 2015 như vậy mới có thể giúp các bị cáo nhận ra những sai lầm của mình để cải tạo và giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt.

Tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự còn quy định người phạm tội có thể bị phạt bổ sung từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng. Tuy nhiên xét thấy tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì các bị cáo không có công ăn việc làm, thu nhập ổn định, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Cần tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong tang vật do Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội hoàn trả sau giám định.

Tịch thu phát mại sung công 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO CPH 1912 màu xanh, đã cũ, lắp sim số: 0389697365 tạm giữ của Lê Thị H.

Trả lại cho Lê Văn L 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A53 màu xanh, đã cũ, lắp sim số 1: 0962794278, sim số 2: 0978242794 tạm giữ của Lê Văn L. L

khai nhận đó là chiếc điện thoại và sim số của L mua từ lâu, không liên quan gì đến việc mua bán ma túy.

Tuyên trả cho chị Bùi Thị H2: 01 xe máy 01 xe máy Honda Wave a màu đỏ, đã cũ, BKS: 29P4 - 4879, Số khung: BLHHC09053Y066771, số máy: HC09E-0036777.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 căn buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Xử: Tuyên bố bị cáo Lê Thị H, Lê Văn L phạm tội “ *Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Áp dụng: Điểm i, q khoản 2, Điều 251; Điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: **Lê Thị H 10 năm 6 tháng tù** (*Mười năm sáu tháng*). Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/10/2021.

3. Áp dụng: Điểm i, khoản 2, Điều 251; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: **Lê Văn L 8 năm 6 tháng tù** (*Tám năm sáu tháng*). Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/10/2021.

4. Vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Cần tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong tang vật do Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội hoàn trả sau giám định.

Tịch thu phát mãi để sung vào ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO CPH 1912 màu xanh, đã cũ, lắp sim số: 0389697365 tạm giữ của Lê Thị H.

Trả lại cho Lê Văn L 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A53 màu xanh, đã cũ, lắp sim số 1: 0962794278, sim số 2: 0978242794 tạm giữ của Lê Văn L.

Tuyên trả cho chị Bùi Thị H2: 01 xe máy 01 xe máy Honda Wave a màu đỏ, đã cũ, BKS: 29P4 - 4879, Số khung: BLHHC09053Y066771, số máy: HC09E-0036777.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/04/2022 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện B và CQĐT Công an huyện B).

5. Án phí : Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết : 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Bị cáo Lê Thị H, Lê Văn L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án về phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận

- TANDTP. Hà Nội;
- VKSND huyện B ;
- Công an huyện B;
- CCTHADS B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đặng Trung Thành

